TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Ngô Văn Được;

ông Đặng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị Thúy L, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: số 284, tổ 12, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1988; nơi cư trú: số 585, tổ 03, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:* ông Phạm Văn Chớn, sinh năm 1956; nơi cư trú: số 284, tổ 12, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Thúy L trình bày: chị L và anh S chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp chứng nhận kết hôn số 40, ngày 13/3/2017 theo giấy trích lục kết hôn số 40, ngày 13/3/2017.

Nguyên nhân ly hôn: vợ chồng chung sống gần nhà cha mẹ của chị L đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng do anh S chơi bời cờ bạc, không lo cho vợ con, gây nợ nần người khác dẫn đến vợ chồng cãi vả tiền bạc, mặc dù bên chồng có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh S bất cần sự quan tâm của người thân và anh S tự ly thân với chị L kể từ năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, chị L yêu cầu ly hôn với anh S.

Vợ chồng có 02 đứa con chung, họ và tên Nguyễn Hoàng Duy M, sinh ngày 19/7/2011 và Nguyễn Thị Thảo M1, sinh ngày 16/4/2017 đang sống chung với chị L, lần lượt theo các giấy khai sinh số 288, trích lục khai sinh số 123/2017 do Ủy ban nhân dân xã T cấp bản sao; khi ly hôn, chị L yêu cầu nuôi 02 đứa con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của chị L: giữ nguyên yêu cầu ly hôn do anh S đi làm có tiền đổ vào cờ bạc gây nợ, vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bên cạnh đó, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 đứa con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con; chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ý kiến của ông Chớn: Thời gian qua, L và S chung sống với nhau có cãi vả về tiền bạc, rồi Sang tự ý bỏ đi cho đến nay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Chị L đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh S từ khi thụ lý và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S, khi chung sống có xảy ra mâu thuẫn do anh S không phụ giúp gia đình, tham gia tệ nạn xã hội, có khuyên nhiều lần nhưng anh S không thay đổi làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Từ khi chị L yêu cầu ly hôn, anh S biết nhưng không có ý kiến phản đối. Về con chung, Nguyễn Hoàng Duy M, sinh ngày 19/7/2011 và Nguyễn Thị Thảo M1, sinh ngày 16/4/2017 đang sống ổn định với chị L về thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác Minh có nguyện vọng sống chung với chị L, để ổn định cuộc sống cho hai trẻ, cần giao cho chị L trực tiếp nuôi con.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình: chấp nhận yêu cầu của chị L về ly hôn với anh S; về con chung, giao 02 đứa con cho chị L trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị L không yêu cầu cấp

dưỡng cho con nên không xem xét; về tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị L có đơn khởi kiện đối với anh S về yêu cầu ly hôn, nuôi con. Anh S có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S được xác lập tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T cấp chứng nhận kết hôn nên quan hệ vợ chồng hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, chị L cho rằng anh S đi làm nhưng không chu cấp tiền bạc cho vợ con, chỉ biết chơi bời gây nợ nần. Từ đó, vợ chồng phát sinh cự cãi và anh S tự bỏ đi, vợ chồng chính thức ly thân kể từ năm 2019 đến nay. Qua lời khai của ông Phạm Văn Chớn xác định: "L và S chung sống với nhau có cãi vả về tiền bạc, rồi Sang tự ý bỏ đi cho đến nay". Như vậy, Tòa án xác định thực tế vợ chồng chị L và anh S đã không còn sống chung với nhau từ lâu và không còn quan tâm lẫn nhau.

[4] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Sang, xem như anh Loan từ bỏ quyền tự bảo vệ của mình đối với vụ án đang được xem xét, giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi, tổ chức hòa giải vụ việc ly hôn, động viên vợ chồng hàn gắn nhưng chị L vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn không chịu hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh S.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị L yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ do vợ chồng đã không còn tình nghĩa với nhau, bỏ mặc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L việc ly hôn đối với anh S.

[5] Khi ly hôn, chị L có yêu cầu trực tiếp nuôi 02 đứa con, họ và tên: Nguyễn Hoàng Duy M, sinh ngày 19/7/2011 và Nguyễn Thị Thảo M1, sinh ngày 16/4/2017. Qua xem xét ý kiến của con Nguyễn Hoàng Duy M thì trẻ mong muốn được sống chung với mẹ. Đối với con Nguyễn Thị Thảo M1 chưa đủ 07 tuổi, được chị L trực tiếp nuôi dưỡng ổn định trong thời gian vợ chồng ly

thân. Mặt khác, chị L có yêu cầu nuôi con nhưng anh S cũng không có ý kiến phản đối. Như vậy, cả 02 đứa con đều do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, đang sống ổn định với chị L nên cần duy trì việc chị L trực tiếp nuôi con nhằm giảm thiểu sự xáo trộn với môi trường sống và giáo dục của trẻ.

Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L, giao con Nguyễn Hoàng Duy M, sinh ngày 19/7/2011 và Nguyễn Thị Thảo M1, sinh ngày 16/4/2017 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, việc nuôi con là quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cha, mẹ nên chị L phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh S trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí sơ thẩm: chị L phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy L đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng S về ly hôn, nuôi con.

1. Chị Phạm Thị Thúy L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2017, ngày đăng ký 13/3/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho chị L và anh S không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao con Nguyễn Hoàng Duy M, sinh ngày 19/7/2011 và Nguyễn Thị Thảo M1, sinh ngày 16/4/2017 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Anh S không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: chị Phạm Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0013254 ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Chị L có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh S vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tâm Nhân